

Số: 06 /NQ-HĐND

Đắk Song, ngày 26 tháng 02 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Thông qua phân bổ kế hoạch vốn thực hiện 03 Chương trình
mục tiêu quốc gia năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG
KHÓA V, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị thông qua phân bổ kế hoạch vốn thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phân bổ kế hoạch vốn thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 là 65.809 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 24.102 triệu đồng, gồm:

a) Ngân sách trung ương: 11.214 triệu đồng;

b) Ngân sách huyện quản lý: 12.888 triệu đồng.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 31.850 triệu đồng, gồm:

a) Ngân sách trung ương: 28.997 triệu đồng;

b) Ngân sách tỉnh: 753 triệu đồng;

c) Ngân sách huyện quản lý: 2.100 triệu đồng.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 9.857 triệu đồng, gồm:

a) Ngân sách trung ương: 9.558 triệu đồng;

b) Ngân sách tỉnh: 287 triệu đồng;

c) Ngân sách huyện quản lý: 12 triệu đồng.

4. Kế hoạch phân bổ vốn thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân huyện. Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân huyện quyết định điều chỉnh kế hoạch sử dụng nguồn vốn và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa V, kỳ họp chuyên đề, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQ Việt Nam huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Trung tâm VH TT & TT huyện;
- Bộ phận lưu trữ, phòng Nội vụ;
- TT HĐND các xã, thị trấn Đức An;
- UBND các xã, thị trấn Đức An;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



K'Thanh

KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số **06** /NQ-HĐND ngày **26** tháng **02** năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Song)

Đơn vị tính: Triệu đồng



Stt	Nội dung/Dự án	Kế hoạch vốn năm 2024													Ghi chú
		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã phân bổ	Tổng số	Trong đó:									Hủy động đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác	
					Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							
					Tổng số	Trong đó:		Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện				
ĐTPT	SN	Tổng	ĐTPT	SN		Tổng	ĐTPT	SN							
	TỔNG CỘNG A+B+C	178.740	80.404	65.809	49.769	35.979	13.790	1.040	655	385	15.000	15.000	0	2.548	
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	100.192	50.714	31.850	28.997	26.793	2.204	753	650	103	2.100	2.100	0	0	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	572	1.308	745	745	0	745	0	0	0	0	0	0	0	
1	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Trường Xuân		640	320	320		320	0			0				
2	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt Xã Đắk N'Drung		410	220	220		220	0			0				
3	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt Xã Đắk Mól		175	110	110		110	0			0				
4	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Thuận Hà		83	95	95		95	0			0				
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	84.000	36.642	22.326	21.776	21.776	0	150	150	0	400	400	0	0	
	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Bu Páh, bon N'Jang Bơ, bon Ding Plei xã Trường Xuân và bon Bu N'Drung, bon N'Jang lu xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (Ban QLDA&PTQĐ huyện Đắk Song)		36.642	22.326	21.776	21.776	0	150	150	0	400	400	0	0	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị		1.977	393	360	0	360	33	0	33	0	0	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		1.069	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng bền vững, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi nghiệp kinh doanh, thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN		908	393	360	0	360	33	0	33	0	0	0	0	
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng bền vững, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi nghiệp kinh doanh, thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN xã Trường Xuân			236	216		216	20		20	0				
2.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng bền vững, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi nghiệp kinh doanh, thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN xã Đắk N'Drung			157	144		144	13		13	0				
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	7.107	2.671	2.589	2.589	2.239	350	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		2.671	2.589	2.589	2.239	350	0	0	0	0	0	0	0	
1	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng xã Đắk N'Drung đã đầu tư giai đoạn trước		246	210	210		210	0		0	0				
2	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng xã Trường Xuân đã đầu tư giai đoạn trước		163	140	140		140	0		0	0				
3	Kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp tại cánh đồng bon N'Jang Lu xã Đắk N'Drung		742	957	957	957	0	0	0	0	0				
4	Đường từ Cầu Jang Play 2 đến Đốc Bình Định bon Bu Pah xã Trường Xuân		820	640	640	640	0	0	0	0	0				
5	Đường từ ngã ba Y Chá đến nhà ông Long bon N'Jang Bơ xã Trường Xuân		700	642	642	642	0	0	0	0	0				
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	112	61	61	61	0	61	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp (Phòng Dân tộc)		112	61	61	61	0	61	0	0	0	0	0	0	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	8.482	2.318	5.069	2.834	2.739	95	535	500	35	1.700	1.700	0	0	
1	Phòng Văn hoá và Thông tin		1.270	130	95	95	35		35	0					
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn văn hoá truyền thống N'Jang Lu xã Đắk N'Drung		718	4.769	2.739	2.739	0	500	500	0	1.530	1.530			
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hoá bon N'Jang Lu xã Đắk N'Drung		165	85	0	0	0	0	0	0	85	85			
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hoá bon Ding Plei xã Trường Xuân		165	85	0	0	0	0	0	0	85	85			
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khoẻ nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em		394	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		339	304	304	304	0	304	0	0	0	0	0	0	
	Hội Liên Hiệp phụ nữ huyện		339	304	304	304	0	304	0	0	0	0	0	0	



Handwritten signature or mark in blue ink.

Stt	Nội dung/Dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Luỹ kế vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn năm 2024										Huy động đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:										
					Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							
					Tổng số	Trong đó:		Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện				
ĐTPT	SN	Tổng	ĐTPT	SN		Tổng	ĐTPT	SN							
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		4.773	131	131	0	131	0	0	0	0	0	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển KT-XH các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù		4.559	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Tiểu dự án 2: Giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc và MN		214	131	131	0	131	0	0	0	0	0	0	0	
	Phòng Dân tộc		214	131	131		131	0		0	0				
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	31	180	232	197	39	158	35	0	35	0	0	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương tôn vinh điển hình tiên tiến, phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý; truyền thông...		172	187	152	0	152	35	0	35	0	0	0	0	
	Phòng Dân tộc		172	187	152		152	35		35	0		0		
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		6	39	39	39	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Phòng Dân tộc		6	39	39	39		0		0					
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, tập huấn		2	6	6	0	6	0	0	0	0	0	0	0	
	Phòng Dân tộc		2	6	6		6	0		0			0		
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	6.450	15.683	9.857	9.558	165	9.393	287	5	282	12	12	0	0	
I	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		4.157	4.262	4.138	0	4.138	124	0	124	0	0	0	0	
1.1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội														
	Hỗ trợ vật tư nông nghiệp, cây giống, con giống		4.157	4.262	4.138		4.138	124		124	0				
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		1.825	1.586	1.540	0	1.540	46	0	46	0	0	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		1.825	1.586	1.540	0	1.540	46	0	46	0	0	0	0	
1.1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn														
	Hỗ trợ vật tư nông nghiệp, cây giống, con giống		1.825	1.586	1.540		1.540	46		46	0		0		
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	6.450	8.941	3.243	3.137	165	2.972	94	5	89	12	12	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn			2.791	2.710	0	2.710	81	0	81	0	0	0	0	
1.1	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và GDTX														
	Đào tạo nghề			650	631		631	19		19	0		0		
1.2	UBND các xã, thị trấn														
	Khảo sát nhu cầu đào tạo nghề			270	262		262	8		8	0		0		
1.3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội														
	- Công tác truyền thông về GDNN			1.871	1.817		1.817	54		54	0		0		
	- Mua sắm trang thiết bị dạy học cho TT GDNN; Khảo sát nhu cầu đào tạo nghề														
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		452	427	165	262	13	5	8	12	12	0	0	0	
1.1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội														
	Xây dựng, hiện đại trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác lao động, việc làm.			182	165	165		5	5		12	12	0		
1.2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội														
	+ Hỗ trợ giao dịch việc làm;														
	+ Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác;			270	262		262	8		8	0		0		
	+ Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;														
	+ Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.														
IV	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		0	147	143	0	143	4	0	4	0	0	0	0	
1	Tiểu dự án 2: Truyền thông và giảm nghèo đa chiều														
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội			147	143		143	4		4	0		0		
V	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình		760	619	600	0	600	19	0	19	0	0	0	0	
1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội														
	- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực giám sát			90	87		87	3		3	0		0		
	- Giám sát chương trình cấp huyện			49	48		48	1		1	0		0		
	- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.			120	116		116	4		4	0		0		
2	UBND các xã, thị trấn														
	- Giám sát chương trình cấp xã, thị trấn.			360	349		349	11		11	0		0		
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	72.098	14.006	24.102	11.214	9.021	2.193	0	0	0	12.888	12.888	0	2.548	



Handwritten signature or initials in blue ink.

Stt	Nội dung/Dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn năm 2024											Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:									Huy động đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác	
					Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							
					Tổng số	Trong đó:		Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện					
ĐTPT	SN	Tổng	ĐTPT	SN		Tổng	ĐTPT	SN							
1	Phân bổ cho dự án đã thực hiện năm 2022 và năm 2023	17.675	13.049	4.625	400	400	0	0	0	0	4.225	4.225	0	0	
1	Xã Đắk N'Drung	3.672	2.580	1.092	0	0	0	0	0	0	1.092	1.092	0	0	
01	Đường giao thông thôn Đắk Kual 2 từ nhà ông Tư đến nhà ông Sáng	1.020	600	420	0	0	0	0	0	0	420	420			
02	Đường giao thông thôn Đắk Kual 3 đi nhà văn hóa	867	510	357	0	0	0	0	0	0	357	357			
03	Nhà văn hóa thôn Đắk R'Mo	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105			
04	Nhà văn hóa Bon Bu Boong	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105			
05	Nhà văn hóa thôn Đắk Tiên	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105			
2	Xã Trường Xuân	3.162	2.571	591	0	0	0	0	0	0	591	591	0	0	
06	Đường giao thông Jăng Plei 2 đi Jăng Plei 3	2.040	1.871	169	0	0	0	0	0	0	169	169			
07	Đường ngõ xóm thôn 9 (từ nhà ông Thịnh vào rẫy ông Chức) xã Trường Xuân	1.122	700	422	0	0	0	0	0	0	422	422			
3	Xã Đắk Mũi	7.177	5.575	1.602	0	0	0	0	0	0	1.602	1.602	0	0	
08	Đường TL2 (Bon Rlông) đi xã Đức Minh	1.540	1.359	181	0	0	0	0	0	0	181	181			
09	Đường giao thông thôn Hà Nam Ninh (Từ đất ông Nguyễn Hữu Đức đến ngã ba đất ông Nguyễn Văn Thanh)	408	240	168	0	0	0	0	0	0	168	168			
10	Đường giao thông ngõ xóm thôn Hà Nam Ninh từ Ngã 3 đến nhà bà Trịnh Thị Vóc	102	60	42	0	0	0	0	0	0	42	42			
11	Đường GT thôn E29 (Từ nhà ông Vinh đến vườn ông Hải)	714	420	294	0	0	0	0	0	0	294	294			
12	Đường GT thôn E29 (Từ đường bê tông đến nhà ông Tuyên)	408	240	168	0	0	0	0	0	0	168	168			
13	Nhà văn hóa Thôn Đắk Sơn 1	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105			
14	Nhà văn hóa Thôn E29	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105			
15	Nhà văn hóa Thôn Hà Nam Ninh	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105			
16	Sửa chữa nâng cấp Nhà văn hóa Bon Bujri	298	245	53	0	0	0	0	0	0	53	53			
17	Sửa chữa nâng cấp Nhà văn hóa Bon A3	298	245	53	0	0	0	0	0	0	53	53			
18	Nhà văn hóa Bon Rlong	554	456	98	0	0	0	0	0	0	98	98			
19	Khu vui chơi giải trí xã	475	350	125	0	0	0	0	0	0	125	125			
20	Xây mới nhà văn hoá thôn 4	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105			
4	Xã Nam Bình	1.479	1.173	305	0	0	0	0	0	0	305	305	0	0	
21	Đường xóm 2 thôn 6 xã Nam Bình (02 trục)	663	512	150	0	0	0	0	0	0	150	150			
22	Đường xóm 4 thôn 7 xã Nam Bình	816	661	155	0	0	0	0	0	0	155	155			
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2.185	1.150	1.035	400	400	0	0	0	0	635	635	0	0	
23	Trường Tiểu Học Lê Văn Tám; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp sân trường và nhà vệ sinh	1.045	550	495	200	200	0	0	0	0	295	295			
24	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu; Hạng mục: Xây mới nhà giáo dục thể chất, sân bê tông và trường rào	1.140	600	540	200	200	0	0	0	0	340	340			
II	Dự án thực hiện năm 2024	22.108	0	17.284	8.621	8.621	0	0	0	0	8.663	8.663	0	2.548	
1	Xã Trường Xuân	4.708	0	4.708	2.354	2.354	0	0	0	0	2.354	2.354	0	831	
01	Đường giao thông bon Ta Mung	1.392	0	1.392	696	696	0	0	0	0	696	696		246	
02	Đường từ QL14 đi thôn 6 xã Trường Xuân và đi xã Quảng Thành	2.210	0	2.210	1.105	1.105	0	0	0	0	1.105	1.105		390	
03	Đường giao thông bon Jăng Plei 3(từ hộ ông Hoàng Văn Lương đến hộ ông Vũ Văn Dũng)	1.106	0	1.106	553	553	0	0	0	0	553	553		195	
2	Xã Đắk N'Drung	3.264	0	3.263	1.629	1.629	0	0	0	0	1.634	1.634	0	576	
04	Đường giao thông thôn Đắk Tiên đi thôn Đắk Kual 5	918	0	918	459	459	0	0	0	0	459	459		162	
05	Đường giao thông thôn Đắk Kual 2 đến nhà ông Tuyên	1.020	0	1.020	510	510	0	0	0	0	510	510		180	
06	Đường giao thông từ nhà ông Phú đi nhà ông Hựu thôn Đắk Kual	1.326	0	1.325	660	660	0	0	0	0	665	665		234	
3	Xã Thuận Hạnh	306	0	306	153	153	0	0	0	0	153	153	0	54	
07	Sửa chữa, nâng cấp đường xóm 2 thôn Thuận Trung (từ nhà ông Phương đến nhà ông Thế)	306	0	306	153	153	0	0	0	0	153	153		54	
4	Xã Năm N'Jang	2.905	0	2.039	1.020	1.020	0	0	0	0	1.019	1.019	0	512	
08	Đường từ thôn Bùng Bình đi thôn Đắk Lư	541	0	541	271	271	0	0	0	0	270	270		95	
09	Đường giao thông xóm 2, thôn 9 xã Năm N'Jang	2.210	0	1.344	672	672	0	0	0	0	672	672		390	
10	Đường giao thông thôn 1 Năm N'Jang	154	0	154	77	77	0	0	0	0	77	77		27	
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	10.925	0	6.968	3.465	3.465	0	0	0	0	3.503	3.503	0	575	
11	Trường TH Trung Vương; hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng, 02 tầng	5.225	0	4.180	2.090	2.090	0	0	0	0	2.090	2.090		275	
12	Trường THCS Lê Quý Đôn xã Trường Xuân, hạng mục: Nhà đa năng	1.900	0	1.000	500	500	0	0	0	0	500	500		100	
13	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng xã Trường Xuân; Hạng mục: 06 phòng, 02 tầng, nhà bếp.	3.800	0	1.788	875	875	0	0	0	0	913	913		200	
III	Các nhiệm vụ thực hiện năm 2024	3.057	957	2.193	2.193	0	2.193	0	0	0	0	0	0	0	
1	Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)														
	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			350	350		350	0		0			0		
2	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường														



Handwritten signature or mark.

